

Số: 95 /TB-UBND

Thượng Phúc, ngày 31 tháng 3 năm 2026

## THÔNG BÁO

### Công khai quyết toán thu chi ngân sách xã Thượng Phúc năm 2025

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Thủ đô số 39/2024/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Luật số 10/2022/QH15 ngày 10/11/2022 của Quốc Hội về Luật thực hành dân chủ ở cơ sở;

Căn cứ Nghị định 73/2026/NĐ-CP ngày 10/03/2026 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 344/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định về quản lý Ngân sách xã và các hoạt động tài chính khác của xã, xã, thị trấn;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai Ngân sách Nhà nước đối với các cấp Ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 30/03/2026 về việc phê chuẩn quyết toán thu chi ngân sách nhà nước năm 2025 xã Thượng Phúc;

Căn cứ Quyết định số 546/QĐ-UBND ngày 31/03/2026 của UBND xã Thượng Phúc về việc công khai quyết toán thu chi ngân sách xã Thượng Phúc năm 2025.

UBND xã Thượng Phúc tiến hành niêm yết công khai quyết toán ngân sách xã năm 2025 với các nội dung như sau:

#### 1. Công khai số liệu quyết toán thu chi ngân sách xã Thượng Phúc năm 2025

(Chi tiết theo biểu đính kèm)

#### 2. Hình thức công khai:

- Niêm yết tại trụ sở UBND xã và Nhà văn hóa các thôn trong thời gian 30 ngày kể từ ngày ban hành thông báo.



- Thông báo trên loa truyền thanh xã 03 ngày liên tiếp kể từ ngày ban hành thông báo.

- Đăng tải công khai trên Trang thông tin điện tử xã.

**3. Thời gian niêm yết:** 30 ngày kể từ ngày 31/03/2026 đến 30/04/2026


Giao Phòng Kinh tế tiến hành niêm yết công khai Thông báo này theo đúng các hình thức công khai ở trên.

Trong thời gian niêm yết công khai trên, nếu tổ chức, đơn vị, cá nhân trên địa bàn có ý kiến thắc mắc xin liên hệ với UBND xã (qua Phòng Kinh tế xã) để được giải đáp./.


**Nơi nhận:**

- Sở Tài chính TP Hà Nội;
- Thường trực Đảng ủy xã;
- Thường trực HĐND xã;
- Chủ tịch, các PCT UBND xã;
- Văn phòng HĐND&UBND xã;
- Các cơ quan, ban ngành, đoàn thể;
- Trung tâm dịch vụ tổng hợp;
- Lưu: VT, KT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH



Lý Văn Dũng



ỦY BAN NHÂN DÂN

Biểu số 116/CK TC-NSNN

XÃ THƯƠNG PHÚC

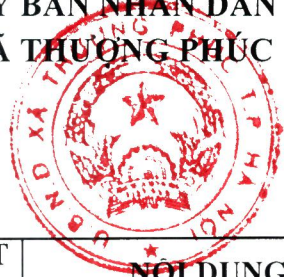
**CÂN ĐỐI QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2025**

*(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)*

Đơn vị: triệu đồng

<b>NỘI DUNG</b>	<b>QUYẾT TOÁN</b>	<b>NỘI DUNG CHI</b>	<b>QUYẾT TOÁN</b>
<b>TỔNG SỐ THU</b>	<b>292.943,076</b>	<b>TỔNG SỐ CHI</b>	<b>291.757,934</b>
I. Các khoản thu xã hưởng 100%	4.551,387	I. Chi đầu tư phát triển	9.453,372
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ (1)		II. Chi thường xuyên	269.463,610
III. Thu bổ sung	284.865,616	III. Chi chuyển nguồn của ngân sách xã sang năm sau (nếu có)	11.529,226
- Bổ sung cân đối	34.951,000	IV. Chi nộp trả ngân sách cấp trên	1.311,726
- Bổ sung có mục tiêu	249.914,616		
IV. Thu kết dư ngân sách năm trước	192,322		
V. Thu đền bù do NN thu hồi đất			
VI. Thu chuyển nguồn từ năm trước sang của ngân sách xã (nếu có)	3.333,751		
<b>Kết dư ngân sách</b>			<b>1.185,142</b>

Ghi chú: (1) Bao gồm 4 khoản thu từ thuế, lệ phí luật NSNN quy định cho ngân sách xã hưởng và những khoản thu ngân sách địa phương được hưởng có phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) cho xã



**CÂN ĐỐI QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2025**  
(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị: triệu đồng

ST T	NỘI DUNG	DỰ TOÁN		QUYẾT TOÁN		SO SÁNH	
		1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
		<b>THU NSNN</b>	<b>THU NSX</b>	<b>THU NSNN</b>	<b>THU NSX</b>	<b>THU NSNN</b>	<b>THU NSX</b>
	<b>TỔNG THU</b>	<b>3.489,000</b>	<b>291.880,689</b>	<b>4.551,387</b>	<b>292.943,076</b>	<b>130,4%</b>	<b>100,4%</b>
<b>I</b>	<b>Các khoản thu 100%</b>	<b>3.489,000</b>	<b>3.489,000</b>	<b>4.551,387</b>	<b>4.551,387</b>	<b>130,4%</b>	<b>130,4%</b>
	Phí, lệ phí	232,000	232,000	301,232	301,232	129,8%	129,8%
	Thu từ quỹ đất công ích và thu HLCS khác	965,000	965,000	1.162,355	1.162,355	120,5%	120,5%
	- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	892,000	892,000	863,028	863,028	96,8%	96,8%
	- Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình						
	- Lệ phí trước bạ nhà, đất (thu trên địa bàn xã, thị trấn)	1.170,000	1.170,000	1.895,674	1.895,674	162,0%	162,0%
	Thu khác	230,000	230,000	329,098	329,098	143,1%	143,1%
<b>II</b>	<b>Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)</b>	<b>0,000</b>	<b>0,000</b>	<b>0,000</b>	<b>0,000</b>		
1	Các khoản thu phân chia						
	- Lệ phí trước bạ nhà, đất (thu trên địa bàn phường)						
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định						
<b>III</b>	<b>Thu đền bù do NN thu hồi đất</b>				0,000		
<b>IV</b>	<b>Thu chuyển nguồn</b>		3.333,751		3.333,751		
<b>V</b>	<b>Thu kết dư ngân sách năm trước</b>		192,322		192,322		
<b>VI</b>	<b>Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên</b>		<b>284.865,616</b>		<b>284.865,616</b>		<b>100,0%</b>
	- Thu bổ sung cân đối		34.951,000		34.951,000		100,0%
	- Thu bổ sung có mục tiêu		249.914,616		249.914,616		100,0%



**CÂN ĐỐI QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2025**  
(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị: triệu đồng

ST T	NỘI DUNG	DỰ TOÁN			QUYẾT TOÁN			SO SÁNH %		
		TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN
		1	2	3	4	5	6	7=4/1	8=5/2	9=6/3
	<b>TỔNG CHI</b>	<b>292.428,513</b>	<b>11.916,594</b>	<b>280.511,919</b>	<b>291.757,934</b>	<b>11.916,594</b>	<b>279.841,340</b>	<b>99,8%</b>		<b>99,8%</b>
1	Chi giáo dục	132.578,749		132.578,749	128.356,016		128.356,016	96,8%		96,8%
2	Chi an ninh trật tự	4.758,629		4.758,629	4.758,629		4.758,629	100,0%		100,0%
3	Chi quốc phòng	2.983,280		2.983,280	2.983,280		2.983,280	100,0%		100,0%
4	Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ	253,000		253,000	253,000		253,000	100,0%		100,0%
5	Chi y tế; dân số, thú y	7.289,500		7.289,500	7.263,111		7.263,111	99,6%		99,6%
6	Chi văn hóa, thông tin	4.640,327	1.820,311	2.820,016	3.136,860	403,681	2.733,179	67,6%	22,2%	96,9%
7	Chi phát thanh, tr thanh	486,615		486,615	486,615	0,000	486,615	100,0%		100,0%
8	Chi thể dục thể thao	469,165		469,165	469,165	0,000	469,165	100,0%		100,0%
9	Chi bảo vệ môi trường	635,076		635,076	635,076	0,000	635,076	100,0%		100,0%
10	Chi các hoạt động kinh tế	12.947,742	6.178,835	6.768,907	11.788,603	5.132,243	6.656,360	91,0%	83,1%	98,3%
11	Chi hoạt động của cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	89.783,188	1.702,015	88.081,173	83.652,885	1.702,015	81.950,870	93,2%	100,0%	93,0%
12	Chi cho công tác xã hội	34.725,243	2.215,433	32.509,810	34.725,243	2.215,433	32.509,810	100,0%	100,0%	100,0%
13	Chi khác	50,000	0,000	50,000	50,000	0,000	50,000	100,0%		100,0%
14	Dự phòng	828,000	0,000	828,000	358,499	0,000	358,499	43,3%		43,3%
15	Chi chuyển nguồn ngân sách sang năm sau				11.529,226	2.463,222	9.066,004			
16	Chi nộp trả ngân sách cấp trên				1.311,726		1.311,726			



**CÂN ĐỐI QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2025**  
(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị: đồng

STT	Tên công trình	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt		Luỹ kế vốn đã thanh toán theo đến 31/01/2025	Giá trị đã thanh toán năm 2025			
			Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp		Tổng số	Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	Chia theo nguồn vốn	
								Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn đóng góp
<b>TỔNG SỐ</b>			<b>11.916.594.000</b>	<b>0</b>	<b>22.151.458.000</b>	<b>9.453.372.000</b>	<b>8.362.191.000</b>	<b>0,0</b>	<b>0,0</b>
<b>1</b>	<b>Công trình chuyển tiếp</b>		<b>9.202.384.000</b>	<b>0</b>	<b>22.151.458.000</b>	<b>8.362.191.000</b>	<b>8.362.191.000</b>		
	Nhà văn hoá cơ sở 3 thôn Ba Lãng, xã Dũng Tiến	2021	88.306.000		1.465.000.000	88.306.000	88.306.000		
	Các hạng mục phụ trợ Nhà văn hóa thôn Đông Cứu	2020	5.797.000		564.732.000	5.797.000	5.797.000		
	Nhà văn hóa thôn Mai Sao, xã Nguyễn Trãi, Thường Tín, TP Hà Nội	2021	11.998.000		2.049.924.000	11.998.000	11.998.000		
	Đường từ xóm Ngoài đến chùa Buộm thôn Ba Lãng	2024	2.547.863.000		2.520.000.000	2.547.863.000	2.547.863.000		
	Cải tạo, chỉnh trang vỉa hè đường Am đoạn từ QL 1A đến đường liên xã Chương Dương - Quất Động và tuyến đường từ Quốc lộ 1A qua trạm y tế xã Quất Động	2022-2023	289.779.000		2.083.779.000	289.779.000	289.779.000		
	Cải tạo, chỉnh trang đường Am đoạn từ QL1A đến trường tiểu học Quất Động, xã Quất Động	2023-2024	66.052.000		526.052.000	66.052.000	66.052.000		
	Đường liên thôn Đông Cứu đi Cỏ Chát, xã Dũng Tiến	2023-2025	1.257.764.000		3.288.000.000	1.257.764.000	1.257.764.000		
	Đường đồng khe ao ngành (cơ sở 6)	2018-2019	5.379.000		1.027.182.000	5.379.000	5.379.000		
	Đường giao thông từ Đình Lưu Xá đến đường liên xã Quất Động - Nguyễn Trãi xã Quất Động	2023-2024	1.011.998.000		2.083.779.000	171.805.000	171.805.000		
	Cải tạo nghĩa trang liệt sỹ xã Dũng Tiến	2024	2.211.236.000		3.000.000.000	2.211.236.000	2.211.236.000		
	Tu bổ nghĩa trang nhân dân thôn Quất Động, xã Quất Động	2021	4.197.000		744.326.000	4.197.000	4.197.000		
	Cải tạo nhà làm việc, hội trường và các hạng mục phụ trợ UBND xã Dũng Tiến	2020	4.356.000		2.128.853.000	4.356.000	4.356.000		
	Cải tạo sửa chữa trụ sở Đảng uỷ - HĐND -UBND xã Nguyễn Trãi	2024	1.697.659.000		669.831.000	1.697.659.000	1.697.659.000		



STT	Tên công trình	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt		Lũy kế vốn đã thanh toán theo đến 31/01/2025	Giá trị đã thanh toán năm 2025			
			Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp		Tổng số	Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	Chia theo nguồn vốn	
								Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn đóng góp
<b>2</b>	<b>Công trình chuyển tiếp</b>		<b>2.714.210.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>1.091.181.000</b>			
	Nhà văn hoá đội 6 thôn Ba Lãng, xã Dũng Tiến	2025	1.000.000.000			186.300.000			
	Nhà văn hoá thôn Nguyên Bì, xã Quất Động	2025	714.210.000			111.280.000			
	Xây dựng HTKT khu đầu giá QSD đất ở khu trại cá thôn Ba Lãng, xã Dũng Tiến	2025	100.000.000						
	Xây dựng HTKT khu đầu giá QSD đất ở tại sau đình thôn Ba Lãng, xã Dũng Tiến	2025	100.000.000						
	Xây dựng HTKT khu đầu giá QSD đất ở tại khu Nghiêm Xá 02, xã Thượng Phúc	2025	100.000.000			93.601.000			
	Nâng cấp, cải tạo hệ thống các công trình thủy lợi xã Nghiêm Xuyên	2025	350.000.000			350.000.000			
	Cải tạo, sửa chữa kênh của đình thôn Cống Xuyên, xã Nghiêm Xuyên	2025	350.000.000			350.000.000			





**CÂN ĐỐI QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2025**

*(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)*

Đơn vị: đồng

NỘI DUNG	KẾ HOẠCH			SỐ DƯ ĐẦU KỶ	THỰC HIỆN		
	THU	CHI	CHÊNH LỆCH (+) (-)		THU	CHI	CHÊNH LỆCH (+) (-)
<b>TỔNG SỐ</b>							
1. Các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách							
- Quỹ bảo trợ trẻ em	125.000.000	110.000.000	15.000.000	20.000.000	120.439.393	102.000.000	38.439.393
- Quỹ đền ơn đáp nghĩa	200.000.000	190.000.000	10.000.000	29.265.151	231.700.402	178.860.000	82.105.553
- Quỹ đền vì người nghèo	368.100.000	100.000.000	268.100.000	138.656.134	410.909.716	58.100.000	491.465.850
2. Các hoạt động sự nghiệp							
+ Chợ							
+ Bến bãi							